UBND TỈNH VĨNH LONG
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC NĂM 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 12 năm 2022

DANH SÁCH KẾT QUẢ KỲ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC LÊN CHUYÊN VIÊN NĂM 2022

SBD	TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch cán sự (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch chuyên viên		Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Xếp loại chất lượng năm 2021	Được miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	Vòng 1		Môn viết chuyên môn nghiệp vụ	Ghi chú
			Nam	Nữ				Mã số ngạch hiện giữ	Thời gian giữ ngạch hiện hưởng	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ QLNN						số câu trả lời đúng môn kiến thức chung (60 câu)	số câu trả lời đúng môn tiếng anh (30 câu)		
	A	**CÔNG CHỨC**																			
		SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI																			
CV311	01	Phạm Thị Liễu		23/05/1969	Cán sự	Sở Giao thông VT	6n10th	01.004	10/2021	4.06 VK 6%	ĐH Hành chính	x	B	B	HTTNV	**Miễn**		33	**MT**	50.0	53 tuổi 1 tháng
		SỞ CÔNG THƯƠNG																			
CV312	02	Diệp Thị Kim Yến		17/11/1991	Cán sự	Sở Công thương	8n1th (5/2014)	01.004	5/2020	2.72	ĐH Kế toán	x	B	B1	HTXSNV		AV	39	21	76.5	
CV313	03	Nguyễn Thị Phương Thanh		08/02/1989	Cán sự	Sở Công thương	4n6th (01/2018)	01.004	8/2021	3.03	ĐH Luật	x	A	B	HTXSNV		AV	43	23	58.0	
CV314	04	Lê Chí Thanh	03/02/1984		Cán sự	Sở Công thương	9n10th (9/2012)	01.004	10/2020	3.03	ĐH Luật	x	CĐ	B1	HTTNV		AV	34	21	54.0	
		SỞ Y TẾ																			
CV315	05	Võ Hồng Loan		29/12/1989	Chuyên viên cao đẳng	Sở Y tế	5n4th (3/2017)	01a003	10/2021	3.03	ĐH Kế toán	x	B	B	HTXSNV		AV	40	20	60.0	
CV316	06	Bùi Thị Thoe		16/04/1969	Cán sự	Chi cục Dân số Kế hoạch hóa Gia đình	5n7th (12/2016)	01.004	5/2021	4.06	ĐH Công tác xã hội	x	UDC NCB	B	HTTNV	**Miễn**		31	**MT**	52.5	53 tuổi 2 tháng
CV317	07	Võ Thị Kim Xuân		20/07/1987	Cán sự	Chi cục Dân số Kế hoạch hóa Gia đình	5n7th (12/2016)	01.004	3/2020	3.06	Cử nhân Điều dưỡng Hộ sinh	x	B	B	HTTNV		AV	31	18	50.0	

SBD	TT	Họ và tên	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch cán sự (kể cả ngạch tương đương)	Mã số ngạch hiện giữ	Thời gian giữ ngạch hiện hưởng	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Xếp loại chất lượng năm 2021	Được miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	số câu trả lời đúng môn kiến thức chung (60 câu)	số câu trả lời đúng môn tiếng anh (30 câu)	Môn viết chuyên môn nghiệp vụ	Ghi chú
CV318	08	Trần Bảo Ngọc		11/12/1988	Chuyên viên cao đẳng	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	5n7th (12/2016)	01a003	5/2020	3.03	ĐH Công nghệ thực phẩm	x	B	B	HTTNV		AV	31	22	50.0	
		SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN																			
CV319	09	Nguyễn Thanh Thảo		27/01/1979	Cán sự	Chi cục trồng trọt và BVTV	16n11th (8/2005)	01.004	8/2021	3.46	ĐH Lưu trữ và Quản trị văn phòng	x	UDC NCB	B	HTTNV		AV	32	21	32.5	
		UBND HUYỆN LONG HỒ																			
CV320	10	Nguyễn Thành Trung	17/03/1976		Cán sự	Thanh tra huyện Long hồ	9n2th (5/2013)	01.004	9/2020	3.06	ĐH Luật	x	B	B	HTTNV		AV	32	22	25.0	
		UBND HUYỆN TAM BÌNH																			
CV321	11	Nguyễn Văn Phin	29/08/1981		Cán sự	Phòng GD&ĐT	11n4th (3/2011)	01.004	9/2020	2.86	ĐH Kế toán	x	B	B	HTTNV		AV	34	18	50.0	
CV322	12	Nguyễn Thị Kim Thi		17/12/1984	Chuyên viên cao đẳng	Phòng Nội vụ	13n10th (9/2008)	01a003	01/2020	3.34	ĐH Quản trị kinh doanh	x	CĐ	B	HTTNV		AV	34	22	50.0	
		UBND HUYỆN BÌNH TÂN																			
CV323	13	Phan Thị Đài Loan		30/05/1981	Phó Trưởng phòng	Phòng Y tế	13n10th (9/2008)	01a003	9/2021	3.34	ĐH Công nghệ thực phẩm	x	B	B1	HTXSNV		AV	38	22	65.0	
CV324	14	Nguyễn Thị Thúy Hằng		14/07/1982	Cán sự	Phòng Y tế	12n9th (10/2009)	01004	4/2020	2.86	ĐH Dược	x	B	B2	HTXSNV		AV	37	20	50.0	
CV325	15	Lê Hoàn Thanh	23/02/1967		Phó Trưởng phòng	Phòng VHTT	34n9th (10/1987)	01.004	10/2020	4.06 VK 11%	ĐH Bảo tàng học	v	A	B	HTTNV		AV	31	18	32.0	
		UBND THÀNH PHỐ VĨNH LONG																			
CV326	16	Lê Văn Lực	26/07/1979		Cán sự	Phòng Quản lý đô thị	15n02th (5/2007)	01.004	5/2021	3.66	ĐH Hành chính	x	B	B	HTTNV		AV	32	23	32.5	
CV327	17	Huỳnh Nguyễn Thy Hùng	07/10/1973		Cán sự	Phòng Kinh tế	25n9th (10/1996)	01.004	01/2020	4.06	ĐH Tài chính ngân hàng	x	A	B	HTTNV		AV	30	20	54.0	
		UBND HUYỆN TRÀ ÔN																			

SBD	TT	Họ và tên	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch cán sự (kể cả ngạch tương đương)	Mã số ngạch hiện giữ	Thời gian giữ ngạch hiện hưởng	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Xếp loại chất lượng năm 2021	Được miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	số câu trả lời đúng môn kiến thức chung (60 câu)	số câu trả lời đúng môn tiếng anh (30 câu)	Môn viết chuyên môn nghiệp vụ	Ghi chú
CV328	18	Lê Minh Thi	20/11/1969		Cán sự	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	11n7th (12/2011)	01004	01/2022	4.06 VK 8%	ĐH Kinh tế xây dựng	x	A	B	HTTNV		AV	34	16	32.5	
CV329	19	Lê Tấn Đạt	01/02/1985		Cán sự	VP HĐND-UBND	13n (7/2009)	01.004	10/2021	3.06	ĐH Luật	x	UDC NCB	B	HTTNV		AV	42	22	67.5	
		UBND THỊ XÃ BÌNH MINH																			
CV330	20	Nguyễn Văn Chừng	20/10/1966		Phó Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên MT	32n8th (11/1989}	01.004		4.06 VK 12%	ĐH Luật	x	B	B	HTTNV		AV	34	19	50.0	
	B	**VIÊN CHỨC**																			
		SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI																			
CV331	21	Trương Văn Hiếu	25/02/1988		Cán sự	Cơ sở Cai nghiện ma túy	1n10th (9/2020)	01.004	3/2021	3.03	ĐH Kế toán	X	B	B	HTXSNV		AV	33	22	73.5	
CV332	22	Đoàn Thị Hồng Vân		28/05/1990	Cán sự	Cơ sở Cai nghiện ma túy	1n6th (01/2021)	01.004	8/2019	2.72	ĐH Kế toán	x	UDC NNC	B	HTXSNV		AV	31	19	70.5	
CV333	23	Nguyễn Thị Phương Hồng Thu Thảo		04/05/1989	Cán sự	TT Công tác XH	10n8th (11/2011)	01.004	11/2021	2.86	ĐH Công tác xã hội	x	A	B	HTXSNV		AV	33	23	78.0	
CV334	24	Nguyễn Văn Mười	19/05/1980		Cán sự	TT Công tác XH	8n6th (01/2014)	01.004	01/2022	3.06	Bác sĩ Y học cổ truyền	x	B	B	HTTNV		AV	33	19	73.0	
CV335	25	Trương Thị Ngọc Yến		24/05/1970	Trưởng phòng	TT Công tác XH	11n3th (4/2011)	01.004	8/2020	3.66	ĐH Công tác xã hội	x	UDC NCB	B	HTXSNV		AV	31	23	73.5	
CV336	26	Phan Thị Bảo Anh		13/04/1984	Cán sự	TT Công tác XH	11n8th (11/2011)	01.004	11/2021	2.86	ĐH Công tác xã hội	x	UDC NCB	B	HTXSNV		AV	30	19	71.5	
CV337	27	Ngô Hồng Đượm		02/01/1988	Cán sự	TT Công tác XH	8n6th (01/2014)	01.004	01/2022	3.06	ĐH Dược sĩ	x	B	B	HTXSNV		AV	40	24	73.0	
CV338	28	Đoàn Thị Diễm Linh		10/04/1988	Chuyên viên cao đẳng	TT Công tác XH	6n (6/2016)	01a003	6/2022	2.72	Cử nhân Giáo dục tiểu học	x	UDC NNC	C	HTTNV		AV	37	26	63.0	
		SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI																			
CV339	29	Phan Thảo Nguyên		26/02/1991	Chuyên viên cao đẳng	TT Công tác XH	7n6th (01/2015)	01a003	01/2021	2.72	ĐH Kế toán	x	UDC NNC	B	HTTNV		AV	39	21	53.0	

SBD	TT	Họ và tên	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch cán sự (kể cả ngạch tương đương)	Mã số ngạch hiện giữ	Thời gian giữ ngạch hiện hưởng	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Xếp loại chất lượng năm 2021	Được miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	số câu trả lời đúng môn kiến thức chung (60 câu)	số câu trả lời đúng môn tiếng anh (30 câu)	Môn viết chuyên môn nghiệp vụ	Ghi chú
CV340	30	Trần Thị Diễm Phúc		01/05/1987	Phó Trưởng phòng	Phòng Hành chính Tổng hợp - TT Dịch vụ việc làm	1n10th (9/2020)	01.004	9/2020	3.03	ĐH Kỹ thuật công nghiệp	x	A	B	HTXSNV		AV	39	18	75.0	
		SỞ TƯ PHÁP																			
CV341	31	Trương Tuyết Vân		17/07/1983	Chuyên viên cao đẳng	TT Dịch vụ đấu giá tài sản	11n (6/2011)	01a003	4/2020	3.03	ĐH Kế toán	x	UDC NCB	B	HTXSNV		AV	30	21	70.0	
		SỞ CÔNG THƯƠNG																			
CV342	32	Võ Thanh Tiên	14/03/1974		Cán sự	Ban Quản lý chợ	24n3th (04/1998)	01.004	4/2020	4.06	ĐH Luật	x	UDC NCB	B	HTTNV		AV	31	19	52.5	
		TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH LONG																			
CV343	33	Trịnh Thị Hồng Thắm		05/01/1987	Chuyên viên cao đẳng	Trường Cao đẳng Vĩnh Long	10n8th (11/2011)	01a003	6/2020	3.03	ĐH Kế toán	x	B	B	HTTNV		AV	31	22	80.0	
CV344	34	Lê Trần Phát	24/05/1988		Chuyên viên cao đẳng	Trường Cao đẳng Vĩnh Long	10n10th (9/2011)	01a003	9/2020	3.03	ĐH Công nghệ thông tin	x	ĐH	C	HTTNV		AV	39	27	76.5	
CV345	35	Nguyễn Thanh Tâm	17/10/1987		Chuyên viên cao đẳng	Trường Cao đẳng Vĩnh Long	9n10th (9/2012)	01a003	9/2021	3.03	ĐH Công nghệ thông tin	x	ĐH	C	HTTNV		AV	47	17	55.5	
CV346	36	Võ Cao Thức	08/04/1989		Chuyên viên cao đẳng	Trường Cao đẳng Vĩnh Long	8n10th (9/2013)	01a003	9/2019	2.72	ĐH Sư phạm Tin học	x	ĐH	C	HTTNV		AV	39	21	80.0	
CV347	37	Nguyễn Thị Minh Tâm		12/02/1988	Chuyên viên cao đẳng	Trường Cao đẳng Vĩnh Long	9n10th (9/2012)	01a003	9/2021	3.03	ĐH Kế toán	x	CĐ	C	HTTNV		AV	41	22	60.0	
CV348	38	Nguyễn Thị Trà My		29/12/1989	Chuyên viên cao đẳng	Trường Cao đẳng Vĩnh Long	9n11th (8/2012)	01a003	8/2021	3.03	ĐH Kế toán	x	B	C	HTTNV		AV	37	24	76.0	
		SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN																			
CV349	39	Nguyễn Thị Kiều Trang		06/04/1987	Phó Trưởng phòng	Phòng Tổ chức hành chính - TT Nước sạch VSMTNT	11n (6/2011)	01a003	6/2020	3.03	ĐH Quản trị kinh doanh	x	B	B	HTXSNV		AV	43	22	76.0	

SBD	TT	Họ và tên	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch cán sự (kể cả ngạch tương đương)	Mã số ngạch hiện giữ	Thời gian giữ ngạch hiện hưởng	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Xếp loại chất lượng năm 2021	Được miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	số câu trả lời đúng môn kiến thức chung (60 câu)	số câu trả lời đúng môn tiếng anh (30 câu)	Môn viết chuyên môn nghiệp vụ	Ghi chú
		SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG																			
CV350	40	Nguyễn Hồng Diễm		27/01/1980	Cán sự	Chi nhánh VP ĐK đất đai Tam bình	16n (7/2006)	01.004	7/2020	3.26	ĐH Kế toán	x	A	B	HTTNV		AV	30	19	74.0	
CV351	41	Võ Thanh Khải	24/12/1982		Phó Giám đốc	Chi nhánh VP ĐK đất đai Tam bình	16n6th (01/2006)	01.004	7/2020	3.26	Kỹ sư Xây dựng (trắc địa)	x	B	B	HTTNV		AV	37	21	56.0	
		SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG																			
CV352	42	Thân Thị Mỹ Chi		15/10/1989	Cán sự	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	2n10th (9/2019)	01.004	01/2021	3.03	Kỹ sư Khoa học máy tính	x	ĐH	B	HTXSNV		AV	42	20	73.5	
CV353	43	Mai Hoàng Sang	01/07/1989		Cán sự	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	2n10th (9/2019)	01.004	11/2021	3.03	ĐH Công nghệ thông tin, ĐH Kế toán	x	ĐH	B	HTXSNV		AV	35	23	72.5	
CV354	44	Trần Thị Diễm Thu		30/12/1985	Phó Trưởng phòng	Phòng Hành chính - Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	4n6th (01/2018)	01a003	5/2020	3.34	ĐH Kế toán	x	A	B	HTXSNV		AV	42	22	81.0	
		SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH																			
CV355	45	Đỗ Thị Mộng Tuyền		17/11/1985	Chuyên viên cao đẳng	Thư viện tỉnh Vĩnh Long	6n9th (10/2015)	01a003	10/2021	2.72	ĐH Kế toán	x	B	C	HTTNV		AV	34	21	80.0	
		SỞ XÂY DỰNG																			
CV356	46	Trần Mạnh Khang	20/05/1984		Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý nhà - Trung tâm QL và PT nhà ở	4n6th (01/2018)	01.004	8/2020	3.26	ĐH Luật	x	UDCN NC	B	HTTNV		AV	48	22	81.5	

SBD	TT	Họ và tên	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch cán sự (kể cả ngạch tương đương)	Mã số ngạch hiện giữ	Thời gian giữ ngạch hiện hưởng	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Xếp loại chất lượng năm 2021	Được miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	số câu trả lời đúng môn kiến thức chung (60 câu)	số câu trả lời đúng môn tiếng anh (30 câu)	Môn viết chuyên môn nghiệp vụ	Ghi chú
CV357	47	Phan Thị Hồng Tươi		20/11/1979	Phó Trưởng phòng	Phòng Hành chính tổng hợp -Trung tâm QL và PT nhà ở	5n (6/2017)	01.004	3/2021	3.26	ĐH Kinh tế xây dựng, Ths Quản lý kinh tế	x	A	B1	HTTNV		AV	39	23	76.0	
		SỞ Y TẾ																			
CV358	48	Võ Thị Ánh Hồng		20/05/1985	Cán sự	TT Y Tế TPVL	1n11th (8/2020)	01.004	6/2019	2.72	ĐH Kế toán	x	B	B1	HTTNV		AV	40	22	52.5	
CV359	49	Nguyễn Thị Mỹ Nhiên		1981	Cán sự	TT Y tế Long Hồ	16n10th (9/2005)	01.004	9/2021	3.46	ĐH Hành chính học	x	A	B	HTTNV		AV	35	24	50.0	
CV360	50	Huỳnh Thị Thùy Trinh		17/09/1983	Phó trưởng phòng	Phòng Tổ chức hành chính-Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long	14n10th (9/2007)	01a003	9/2020	3.34	ĐH Kế toán	x	B	B	HTXSNV		AV	38	20	81.5	
CV361	51	Nguyễn Thúy Huỳnh		13/02/1992	Cán sự	Bệnh viện Phổi Vĩnh Long	1n11th (8/2020)	01.004	7/2019	2.41	ĐH Quản trị văn phòng	x	B	B1	HTTNV		AV	38	21	80.0	
CV362	52	Phạm Thị Diễm My		20/05/1989	Chuyên viên cao đẳng	TT Y tế Tam Bình	8n8th (10/2013)	01a003	11/2020	2.72	ĐH Kế toán	x	B	B	HTTNV		AV	49	22	73.5	
CV363	53	Nguyễn Tấn Tài	15/03/1980		Phó trưởng phòng	Phòng Tổ chức hành chính - TT Y tế Tam Bình	4n11th (8/2017)	01.004	01/2021	3.46	ĐH Hành chính học	x	A	B	HTTNV		AV	39	20	75.0	
		SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI																			
CV364	54	Ngô Thị Mỹ Hương		11/11/1973	Cán sự	TT thẩm định, kiểm định công trình	11n6th (01/2011)	01.004	01/2022	4.06 VK 5%	ĐH Kế toán	x	B	B	HTTNV		AV	42	20	76.5	
CV365	55	Lâm Hữu Đức	02/12/1990		Cán sự	Cảng vụ đường thủy nội địa	10n01th (05/2012)	01.004	5/2020	2.66	ĐH Luật	x	UDC NNC	B	HTTNV		AV	40	23	51.5	
		UBND HUYỆN BÌNH TÂN																			
CV366	56	Võ Hoàng Vinh	11/08/1975		Cán sự	TT VHTT-TT	23n11th (7/1998)	01.004	7/2021	4.06	ĐH Luật	x	A	A	HTTNV		AV	30	16	72.5	

SBD	TT	Họ và tên	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch cán sự (kể cả ngạch tương đương)	Mã số ngạch hiện giữ	Thời gian giữ ngạch hiện hưởng	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Xếp loại chất lượng năm 2021	Được miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	số câu trả lời đúng môn kiến thức chung (60 câu)	số câu trả lời đúng môn tiếng anh (30 câu)	Môn viết chuyên môn nghiệp vụ	Ghi chú
		UBND HUYỆN BÌNH TÂN																			
CV367	57	Đào Thị Tám		20/06/1982	Cán sự	TT VHTT-TT	13n10th (9/2008)	01.004	3/2021	3.06	ĐH Kế toán	x	CNTT CB	A2	HTXSNV		AV	36	21	55.0	
CV368	58	Nguyễn Trường Giang	10/06/1985		Cán sự	TT VHTT-TT	10n (06/2012)	01.004	6/2021	2.66	ĐH Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	x	B	B	HTXSNV		AV	31	23	81.0	
CV369	59	Huỳnh Thanh Liêm	18/01/1980		Cán sự	TT VHTT-TT	10n11th (8/2011)	01.004	01/2021	3.86	ĐH Kinh tế - Luật	x	A	B	HTXSNV		AV	30	19	65.0	
CV370	60	Đặng Văn Toàn	24/04/1969		Phó Giám đốc	TTGD NN-GDTX	14n (4/2008)	01.004	01/2021	4.06 VK 6%	ĐH Kinh tế - Luật	x	A	B	HTXSNV		AV	31	22	66.0	
		UBND HUYỆN VŨNG LIÊM																			
CV371	61	Tống Thị Huệ Trang		24/12/1988	Cán sự	Tung tâm Văn hóa thể thao	2n10th (09/2019)	01.004	6/2019	3.03	ĐH Quản trị văn phòng	x	B	B	HTTNV		AV	34	20	81.5	
CV372	62	Hồ Văn Cường	30/04/1981		Cán sự	Ban bồi thường hỗ trợ và tái định cư	2n01th (5/2020)	01.004	02/2020	2.72	ĐH Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	x	B	B	HTXSNV		AV	31	22	63.0	
		UBND THỊ XÃ BÌNH MINH																			
CV373	63	Bùi Thị Gấm		16/06/1978	Cán sự	TT GDTX - GDNN	18n3th	01.004	02/2020	3.46	ĐH Kế toán	x	B	C	HTTNV		AV	32	19	65.0	
CV374	64	Phan Thị Ngọc Lợi		12/07/1986	Cán sự	TT VHTT&TT	13n9th (10/2008)	01.004	4/2021	3.06	ĐH Ngữ văn Anh	x	A	CN	HTXSNV	**Miễn**		39	MT	67.0	ĐH Ngữ văn Anh
CV375	65	Nguyễn Ngọc Hòa		10/05/1978	Cán sự	TT VHTT&TT	7n08th (11/2014)	01.004	5/2021	2.46	ĐH Luật	x	A	B	HTXSNV		AV	30	20	68.5	
		UBND THÀNH PHỐ VĨNH LONG																			
CV376	66	Nguyễn Văn Hiệp	08/09/1964		Trưởng ban	Ban QL bến xe tàu khách	22n10th (9/1999)	01.004	9/2021	4.06 VK 25%	ĐH Hành chính	x	B	B	HTXSNV	**Miễn**		39	MT	63.0	57 tuổi 10 tháng
CV377	67	Lương Văn Thảo	20/11/1965		Phó Trưởng ban	Ban QL bến xe tàu khách	18n (8/2004)	01.004	8/2020	3.86	ĐH Luật	x	A	B	HTXSNV		AV	32	17	60.5	

SBD	TT	Họ và tên	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch cán sự (kể cả ngạch tương đương)	Mã số ngạch hiện giữ	Thời gian giữ ngạch hiện hưởng	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Xếp loại chất lượng năm 2021	Được miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	số câu trả lời đúng môn kiến thức chung (60 câu)	số câu trả lời đúng môn tiếng anh (30 câu)	Môn viết chuyên môn nghiệp vụ	Ghi chú
CV378	68	Chiêm Thanh Quang	16/09/1973		Cán sự	Ban QL Dự án đầu tư xây dựng	24n8th (11/1997)	01.004	5/2021	4.06 VK 6%	ĐH Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	x	A	B	HTTNV		AV	31	15	50.0	
CV379	69	Nguyễn Thị Thu Hương		20/10/1979	Cán sự	TT VHTT&TT	14n3th (4/2008)	01.004	10/2020	3.06	ĐH Luật	x	B	B	HTXSNV		AV	33	22	67.5	
CV380	70	Nguyễn Thanh Đức	13/07/1988		Chuyên viên cao đẳng	TT VHTT-TT	10n6th (01/2012)	01a003	7/2021	3.03	ĐH Công nghệ thông tin	x	B	B	HTXSNV		AV	32	23	67.0	
CV381	71	Đặng Chí Hậu	18/03/1980		Phó Giám đốc	TT Phát triển quỹ đất	16n7th (12/2004)	01.004	6/2020	3.46	Ths Luật	x	A	B1	HTTNV		AV	34	18	64.0	
		UBND HUYỆN TRÀ ÔN																			
CV382	72	Trần Văn Giang	30/03/1984		Cán sự	TT VHTT&TT	2n10th (9/2019)	01.004	9/2019	3.34	ĐH Luật	x	A	B	HTXSNV		AV	38	22	73.5	
CV383	73	Ngô Hoàng Thảo		20/04/1976	Cán sự	TT GDNN-GDTX -	22n7th (12/1999)	01.004	02/2022	4.06	ĐH Kế toán	x	A	B	HTTNV		AV	32	21	74.0	
CV384	74	Lê Quốc Kỳ	06/01/1989		Chuyên viên cao đẳng	Trường Tiểu học thị trấn Trà Ôn	9n10th (9/2012)	01a003	9/2019	2.72	ĐH Quản trị văn phòng	x	A	B	HTTNV		AV	32	21	75.0	
		LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ																			
CV385	75	Đinh Văn Huyền	01/01/1975		Cán sự	Liên minh HTX tỉnh	12n6th (01/2010)	01.004	01/2021	4.06 VK 6%	ĐH Quản trị kinh doanh	x	A	B	HTTNV		AV	30	19	76.0	
CV386	76	Nguyễn Thị Kim Nương		07/06/1970	Trưởng phòng	Phòng Kế hoạch Hỗ trợ-Liên minh HTX tỉnh	12n (6/2010)	01.004	01/2021	3.46	ĐH Luật	x	B	B	HTTNV		AV	36	17	52.5	
		HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT																			
CV387	77	Nguyễn Thị Đông Hải		30/12/1987	Chuyên viên CĐ	Hội Văn học nghệ thuật	11n (06/2011)	01a003	6/2020	3.03	ĐH Quản trị kinh doanh	x	B	B	HTTNV		AV	32	21	66.0	
CV388	78	Liêu Đỗ Nhựt Ân	10/02/1988		Chuyên viên CĐ	Hội Văn học nghệ thuật	9n4th (03/2013)	01a003	3/2022	3.03	ĐH Công nghệ thông tin	x	CN	B	HTXSNV		AV	39	23	62.5	

SBD	TT	Họ và tên	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch cán sự (kể cả ngạch tương đương)	Mã số ngạch hiện giữ	Thời gian giữ ngạch hiện hưởng	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Xếp loại chất lượng năm 2021	Được miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	số câu trả lời đúng môn kiến thức chung (60 câu)	số câu trả lời đúng môn tiếng anh (30 câu)	Môn viết chuyên môn nghiệp vụ	Ghi chú
		UBND HUYỆN TRÀ ÔN																			
CV389	79	Nguyễn Hữu Tài	20/10/1964		Chủ tịch Hội	Hội chữ thập đỏ	29n6th (01/1993)	01.004	01/2022	4.06 VK 15%	ĐH Công tác xã hội	x	A	B	HTXSNV	**Miễn**		**32**	**MT**	70.0	57 tuổi 8 tháng
		UBND THỊ XÃ BÌNH MINH																			
CV390	80	Nguyễn Văn Triều	16/05/1977		Chủ tịch Hội	Hội chữ thập đỏ	18n7th (12/2003)	01.004	12/2020	3.86	ĐH Luật	x	B	B	HTTNV		AV	43	18	73.5	

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

Trương Thị Cẩm Vân

TM. HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH VĨNH LONG

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
TRẦN VĂN HÊN